

Số: /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 7 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng tới năm 2045 (Đề án), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức triển khai kịp thời, cụ thể hóa các nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

b) Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

c) Tạo tiền đề để thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao đến với Quảng Ngãi, thúc đẩy phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và đổi mới sáng tạo tại địa phương. Gắn kết giữa đào tạo và sử dụng lao động, đảm bảo nguồn nhân lực được đào tạo có cơ hội làm việc trong các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học - công nghệ tại tỉnh.

d) Mở rộng đào tạo trình độ cao, chất lượng cao trong các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về cơ cấu nhân lực của các lĩnh vực công nghệ cao; tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân tài trong các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ then chốt trực tiếp phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai thực hiện phải bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ

tướng Chính phủ. Việc xác định ngành, nghề đào tạo nhân lực công nghệ cao phải gắn với các định hướng, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch nhân lực vùng.

b) Đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học, trung tâm đào tạo, doanh nghiệp công nghệ cao trong công tác đào tạo, nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực. Đảm bảo chất lượng đào tạo gắn với thị trường lao động; tăng cường đào tạo thực hành, kỹ năng ứng dụng.

c) Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; kịp thời chỉ đạo, đôn đốc, giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong việc triển khai, tổ chức thực hiện đảm bảo mục đích, yêu cầu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Chuẩn bị nguồn nhân lực STEM có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao đáp ứng nhu cầu mở rộng đầu tư phát triển các lĩnh vực công nghệ cao, trọng tâm là đội ngũ nhân lực tài năng có khả năng tham gia sâu vào công đoạn nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên; tạo lợi thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn, góp phần chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế và phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Tăng nhanh quy mô đào tạo trình độ cao khối ngành STEM, nhất là các ngành khoa học cơ bản và các ngành liên quan tới công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và công nghệ sinh học:

- Tỷ lệ người theo học các ngành STEM đạt 35% ở mỗi trình độ đào tạo, trong đó ít nhất 2,5% thuộc các ngành khoa học cơ bản và 18% thuộc các ngành liên quan tới công nghệ số.

- Tính trên tổng quy mô đào tạo khối ngành STEM, số người học các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ chiếm ít nhất 10% và số người học các chương trình đào tạo tiến sĩ chiếm ít nhất 1%; tỷ lệ nữ giới chiếm ít nhất 20%.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông đạt ít nhất 200 người/năm trong đó ít nhất 30% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo đạt 100 người/năm trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc

tiến sĩ; 100% chương trình đào tạo cử nhân, kỹ sư và thạc sĩ thuộc khối ngành STEM được tích hợp kiến thức, kỹ năng phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về sinh học, công nghệ sinh học và y sinh đạt 100 người/năm trong đó ít nhất 10% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

b) Tạo đột phá trong đào tạo, bồi dưỡng nhân tài gắn với phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên, các dự án trọng điểm quốc gia:

- Ít nhất 1-2 người có trình độ tiến sĩ các ngành STEM được tuyển dụng làm giảng viên đại học trong tỉnh hoặc có hợp đồng giảng dạy ít nhất một học kỳ tại cơ sở giáo dục đại học.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo tài năng trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược hàng năm đạt khoảng 100 kỹ sư, thạc sĩ, trong đó ít nhất 20% thuộc các chương trình chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo.

3. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2030 - 2035

a) Tiếp tục tăng quy mô đào tạo trình độ cao thuộc khối ngành STEM, nhất là ở các ngành khoa học cơ bản và các ngành liên quan tới công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và công nghệ sinh học:

- Tỷ lệ người theo học các ngành STEM đạt 40% ở mỗi trình độ đào tạo, trong đó ít nhất 3% thuộc các ngành khoa học cơ bản và 20% thuộc các ngành liên quan tới công nghệ số.

- Tính trên tổng quy mô đào tạo khối ngành STEM, số người theo học các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ chiếm ít nhất 15% và số người theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ chiếm ít nhất 1,5%; tỷ lệ nữ giới chiếm ít nhất 25%.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông đạt 300 người/năm trong đó ít nhất 35% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo đạt 200 người/năm trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về sinh học, công nghệ sinh học và y sinh đạt 100 người/năm, trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

b) Tiếp tục mở rộng đào tạo, phát triển nhân tài, các nhóm nghiên cứu mạnh trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên:

- Ít nhất 3-4 người có trình độ tiến sĩ các ngành STEM được tuyển dụng làm giảng viên đại học trong tỉnh hoặc có hợp đồng giảng dạy ít nhất một học kỳ tại cơ sở giáo dục đại học.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo tài năng trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược hàng năm đạt khoảng 150 kỹ sư, thạc sĩ, trong đó ít nhất 20% thuộc các chương trình chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo.

4. Định hướng tới năm 2045

a) Quy mô và tỉ trọng đào tạo các ngành STEM tiếp tục tăng, trong đó tỷ lệ theo học thạc sĩ, tiến sĩ đạt tương đương mức trung bình chung của cả nước.

b) Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu các ngành STEM được tăng cường đầu tư, phát triển đạt tiêu chuẩn.

c) Phạm vi và quy mô đào tạo các chương trình đào tạo tài năng tiếp tục được mở rộng tới tất cả lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên, nhất là ở các trình độ kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ.

d) Nguồn nhân lực STEM trình độ cao, chất lượng cao trở thành lợi thế cạnh tranh cốt lõi của tỉnh trong thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, nhất là các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường chính sách đầu tư cho giáo dục STEM và hỗ trợ tài chính cho người học các ngành STEM

a) Tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, củng cố nền tảng kiến thức và sự quan tâm của học sinh phổ thông đối với các ngành nghề STEM thông qua các giải pháp tăng cường bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ cho giáo dục STEM và tuyên truyền nâng cao nhận thức về các ngành nghề STEM.

b) Thu hút chuyên gia, cán bộ khoa học kỹ thuật tham gia giảng dạy hoặc hỗ trợ các hoạt động STEM tại địa phương.

c) Hỗ trợ về học bổng khuyến khích học tập theo hướng mở rộng đối tượng, nguồn chi từ ngân sách nhà nước, có chế độ ưu tiên theo đối tượng và ngành đào tạo; ưu tiên học bổng ở mức cao nhất đối với người học thuộc các chương trình đào tạo tài năng.

d) Hỗ trợ về miễn, giảm học phí để áp dụng cho người học thuộc các chương trình đào tạo tài năng thuộc phạm vi Kế hoạch và các chương trình đào tạo nhân lực cho các ngành, chuyên ngành được xác định trong các chương trình, chiến lược.

2. Hoàn thiện và đẩy mạnh triển khai các chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút đội ngũ giảng viên giỏi

a) Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, hỗ trợ kinh phí thu hút, tuyển dụng, thuê giảng viên giỏi thuộc các ngành STEM về làm việc, giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh, đặc biệt đối với các chương trình đào tạo tài năng.

b) Hỗ trợ giảng viên các chương trình đào tạo tài năng đi học ngắn hạn ở nước ngoài, áp dụng chế độ theo quy định.

3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ phục vụ đào tạo và nghiên cứu cho các trường đại học

a) Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có, đồng thời đẩy mạnh phong trào tự làm thiết bị dạy học, học liệu điện tử phục vụ giáo dục STEM.

b) Đầu tư nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, công nghệ và học liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu trong các ngành STEM phục vụ phát triển công nghệ cao.

4. Triển khai các chương trình đào tạo tài năng gắn kết với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

a) Triển khai chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ tài năng và chương trình đào tạo tiến sĩ tài năng trong các ngành STEM gắn với phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên.

b) Ưu tiên giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ cho các cơ sở đào tạo chủ trì triển khai nhiều chương trình đào tạo tài năng, nhóm nghiên cứu và người chủ trì đề tài tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh theo chương trình đào tạo tài năng.

c) Xây dựng các chính sách khuyến khích nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chính sách khuyến khích hợp tác đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ gắn với hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu các ngành STEM và các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược

a) Chủ động xây dựng và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế giữa các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu của tỉnh với các trường đại học, tổ chức khoa học - công nghệ uy tín trong và ngoài nước, nhất là các quốc gia có nền khoa học phát triển nhằm trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ và hợp tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.

b) Ưu tiên đề xuất, triển khai các chương trình học bổng sau đại học phục vụ phát triển các lĩnh vực công nghệ chiến lược trên địa bàn tỉnh; tận dụng hiệu quả các chương trình học bổng theo hiệp định song phương và đa phương do Trung ương và các tổ chức quốc tế tài trợ.

c) Kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện quy định về cấp phép tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế theo hướng phân cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh chủ động tổ chức các hoạt động trao đổi chuyên môn, nhất là trong các lĩnh vực STEM và công nghệ cao.

6. Tăng cường huy động, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư

a) Lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch vào các chương trình, đề án, dự án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phát huy tối đa nguồn lực ngân sách địa phương và huy động thêm nguồn lực từ Trung ương, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế và các nguồn hợp pháp khác để triển khai hiệu quả Kế hoạch.

b) Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công theo hướng giao quyền tự chủ cao cho các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh quản lý.

c) Nghiên cứu, đề xuất chính sách đặc thù của tỉnh nhằm khuyến khích doanh nghiệp tham gia hỗ trợ đào tạo thực hành, thực tập cho người học; đồng thời có cơ chế học bổng, tín dụng ưu đãi, hỗ trợ trả nợ vay đối với sinh viên tốt nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực tỉnh có nhu cầu cao về nhân lực.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

3. Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

4. Huy động của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở, ngành, cơ quan có liên quan lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch vào việc triển khai các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

b) Xác định nhu cầu nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; xây dựng và đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách; triển khai đặt hàng, hợp tác đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực các ngành công nghệ cao của địa phương.

c) Hướng dẫn, triển khai chương trình đào tạo tài năng và các tiêu chí đánh giá, lựa chọn các chương trình đào tạo, cơ sở đào tạo tham gia đào tạo tài năng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch. Định kỳ hằng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch liên quan tới thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ gắn kết với đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học vào việc triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

b) Hướng dẫn triển khai, ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược gắn với các chương trình đào tạo tài năng, đào tạo tiên sĩ các ngành STEM.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng dự báo xu hướng nhu cầu nhân lực khoa học, công nghệ và nhân lực công nghiệp công nghệ số; xác định nhu cầu sử dụng nhân lực cụ thể cho từng giai đoạn, để triển khai đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

4. Sở Nội vụ: Phối hợp với các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành liên quan xây dựng dự báo xu hướng nhu cầu nhân lực khoa học, công nghệ và nhân lực công nghiệp công nghệ số; xác định nhu cầu sử dụng nhân lực cụ thể cho từng giai đoạn của tỉnh để báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia nước ngoài đến tỉnh công tác, giảng dạy, nghiên cứu, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng dự báo nhu cầu nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực an ninh mạng và các lĩnh vực khoa học công nghệ cao khác thuộc phạm vi quản lý và phục vụ triển khai Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

6. UBND các xã, phường, đặc khu: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và tình hình thực tế của địa phương, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch này liên quan đến Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng tới năm 2045.

7. Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh

a) Chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ được phân công theo nội dung của Kế hoạch này; tích cực đổi mới chương trình, nội dung đào tạo gắn với yêu cầu thực tiễn và nhu cầu nhân lực của địa phương, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi số, STEM và đổi mới sáng tạo.

b) Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế nhằm huy động nguồn lực, đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ học bổng, thực tập và việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp.

c) Thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ trong đào tạo, tài chính, nhân sự theo quy định; phát huy vai trò là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin, dữ liệu số và quản trị hiện đại.

đ) Tham gia đánh giá nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao của tỉnh; đề xuất mô hình liên kết đào tạo giữa nhà trường - doanh nghiệp - địa phương, góp phần xây dựng hệ sinh thái giáo dục mở, học tập suốt đời và phát triển nguồn nhân lực bền vững.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện. Định kỳ trước ngày 05/12 hàng năm hoặc đột xuất (*khi có yêu cầu*) gửi báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Giáo dục và Đào tạo*). Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời thông tin, báo cáo gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh (t/h);
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Nội vụ (t/h);
- UBND các xã, phường, đặc khu (t/h);
- Các trường ĐH, CĐ trên địa bàn tỉnh (t/h);
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, NC;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.THT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Ngọc